Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 17 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH kiểm định Quế Võ và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 18/01/2020,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH kiểm định Quế Võ

Mã số thuế: 2301120142

Địa chỉ: Khu đô thị mới Quế Võ 2, xã Phượng Mao, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định công trình**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Khu đô thị mới Quế Võ 2, xã Phượng Mao, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 979**

3.Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH kiểm định Quế Võ;
- Sở XD Bắc Ninh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 979

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 17 /GCN-BXD, ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
3	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BÊ TÔNG	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
6	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993
7	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
8	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
9	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
10	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
11	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993
12	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:93; ASTM C39/C39M
13	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93; ASTM C78/C78M
14	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:1993
15	Xác định cường độ lăng trụ và moduyn đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
16	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12
17	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239:2006
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỐ LIỆU	
18	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
19	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
20	Xác định khối lượng riê/ng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
21	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06
22	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
23	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
24	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06
25	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN7572-10:06
26	Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:06

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
27	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN7572-12:06
28	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:06
29	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:06
30	Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ	TCVN7572-18:06
31	Đương lượng cát, hệ số (ES)	ASTM D2419:1991
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN7572-20:06
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
33	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
34	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
35	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
36	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12
37	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4201:12; 22TCN 333:06
38	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
39	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR) của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm.	22 TCN 332:06; ASTM D1883; AASHTO T193
40	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12
41	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; AASHTO-T216, T297
42	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTN D2166:2001
43	Xác định các chỉ tiêu đất trên máy nén 3 trục (UU, Cu, CD, CV)	ASTM D280:1995
44	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:2000
45	Thí nghiệm cắt cánh trong phòng	ASTM D2579:1978
46	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
47	Thử kéo	TCVN 197: 2014; ASTM A370; JIS Z2241-98
48	Thử uốn kim loại	TCVN 198: 08; ASTM A370; JIS Z2248-96
49	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401: 1991
50	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang.	TCVN 8310:2010
51	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc.	TCVN 8311:2010
52	Kiểm tra chất lượng ống thép – thử nén bẹp	TCVN 1830 : 08 ; ASTM A370 :11
53	Kiểm tra chất lượng bề mặt, kích thước mối nối bằng ống ren, thử kéo tĩnh mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009
54	Thử kéo bu lông, đai vít	TCVN 1916:1995
55	Kiểm tra không phá hủy mối hàn bằng phương pháp siêu âm.	TCVN 1548:1987; TCVN 6735:2000;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
56	Kiểm tra không phá hủy mối hàn bằng phương pháp bột từ	TCVN 4396:1986;
57	Kiểm tra không phá hủy mối hàn bằng phương pháp, thẩm thấu	TCVN 4617:1996
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
58	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
59	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11
60	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
61	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
62	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
63	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
64	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
65	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
66	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
67	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
68	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
69	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG	
70	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05
71	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05
72	Xác định nhiệt độ hoá mềm	TCVN 7497:05
73	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
74	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163^0C trong 5 giờ	TCVN 7499:05
75	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05
76	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:05
77	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05
78	Xác đinh hàm lượng paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:05
	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
79	Thành phần hạt, Lượng mất khi nung, Hàm lượng nước, Khối lượng riêng của bột khoáng chất, Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, Hệ số	22TCN 58: 1984

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	háo nước, Hàm lượng chất hòa tan trong nước, Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường, Xác định KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường, Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường, Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
80	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao vòng	22TCN 02-1971
81	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006
82	Xác định mô đun đàn hồi "E" bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
83	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
84	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
85	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Ben kelman	TCVN 8867:2011
86	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy.	TCVN 9334:2012
87	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng siêu âm kết hợp súng bật nẩy.	TCVN 9335:2012
88	Phương pháp không phá hủy đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
89	Cấu kiện bê tông và BTCT đúc sẵn – PP thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cúng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
90	Kết cấu bê tông – Đánh giá độ bền các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng PP chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
91	Xác định độ lún công trình bằng pp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
92	Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:2012
93	Các định chuyển dịch ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012
94	Cọc khoan nhồi – PP xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông	TCVN 9396:2012
95	Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn – Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
96	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
97	Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng ép dọc trục	TCVN 9393:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
98	Xác định độ kéo nhổ bê tông, khả năng bám dính của thép, bu lông với bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900; ASTM E1512
99	Thí nghiệm chùy xuyên động (DCP)	ATSTM D6951
100	Xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
101	Bê tông nặng - chỉ dẫn đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCVN 239 : 2006
102	Phương pháp xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
103	Thí nghiệm CBR – hiện trường	TCVN 8821:2011
104	Xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp.	TCVN 5879:1995
105	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2:012
	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BENTONITE	
106	Xác định khối lượng riêng, Độ nhớt, Hàm lượng cát, Lượng mất nước, Tính ổn định, Độ pH, Tỷ lệ chất keo, Độ dày áo sét, Lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
	THỬ NGHIỆM VỮA	
107	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 03
108	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 03
109	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 03
110	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 03
111	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 03
112	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 03; ASTM C109/C109M
113	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18: 03
114	Thử nghiệm độ chảy của vữa tươi bằng dụng cụ côn chảy	ASTM C939
	THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT	
115	Xác định kích thước và hình dáng, Xác định độ hút nước, Xác định độ bền uốn, Xác định độ bền mài mòn, Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men, Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mosh	TCVN 6415:2016
	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN/ NHÂN TẠO	
116	Sai lệch kích thước, hình dạng; chất lượng bề mặt, Độ hút nước, Độ bền uốn, Độ chịu mài mòn bề mặt, Độ cứng vạch bề mặt, tính theo thang Mohs	TCVN 4732:16; TCVN 8057:09
	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
117	Kích thước ngoại quan và sai lệch kích thước, độ cong vênh	TCVN 7219:18; TCVN 7455:13

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
118	Xác định lượng mảnh vỡ	TCVN 7455:13
119	Độ bền va đập rơi bi	TCVN 7368:13; TCVN 7455:13
120	Độ bền va đập con lắc	TCVN 7368:13; TCVN 7455:13
121	Ứng suất bề mặt	TCVN 7455:2013
122	Độ bền nhiệt cao	TCVN 7364:2018
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG	
123	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ bền nén, Xác định cường độ bền uốn, Xác định độ hút nước, Xác định khối lượng thể tích, Xác định độ rỗng gạch xây	TCVN 6355:2009
	XÁC ĐỊNH TÍNH CHẤT CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
124	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, Cường độ nén, Độ hút nước, Độ chịu mài mòn	TCVN 6476:99
	THỬ NGHIỆM GẠCH BLOCK/ BÊ TÔNG	
125	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, Cường độ bền nén, Độ rỗng, Độ hút nước, Độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	PHÉP THỬ GẠCH TERAZO	
126	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, Cường độ uốn, Độ hút nước, Độ mài mòn	TCVN 7744:2013
127	**THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN/ GẠCH GRANITO**	
128	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, Độ mài mòn, Độ hút nước, Tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:95; TCVN 6074:95
	THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG BỌT, BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHƯNG ÁP VÀ CHƯNG ÁP	
129	Xác định kích thước; độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt, Khối lượng thể tích khô, Cường độ nén	TCVN 7030:2017
	THỬ NGHIỆM TẤM THẠCH CAO, BỘT BẢ, TẤM XI MĂNG SỢI	
130	Xác định kích thước độ vuông góc, độ thẳng cạnh	ASTM C635:13
131	Xác định độ cứng của gờ, cạnh, lõi	TCVN 8257-3:2009
132	Xác định cường độ uốn	TCVN 8257-4:2009
133	Độ kháng nhổ đinh	TCVN 8257-5:2009
134	Xác định biến dạng ẩm	TCVN 8257-6:2009
135	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-7:2009
136	Xác định hấp phụ nước bề mặt	TCVN 8257-8:2009
137	Thử tải khung trần treo	ASTM C635:13

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	THỬ NGHIỆM DÂY CÁP ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN	
138	Xác định đường kính, tiết diện sợi đồng; Xác định chiều dày lớp cách điện; chiều dày vỏ bọc; Xác định đường kính ruột dẫn;Đường kính dây	TCVN 6612:2007; TCVN 5935: 2013; TCVN 7305: 2008; TCVN 1548: 1987
	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, HDPE, VẬT LIỆU NHỰA	
139	Kiểm tra kích thước	TCVN 6145: 07; ISO 3126: 2005
140	Xác định độ bền kéo, uốn	TCVN 7434:04; ISO 527, ISO 178
141	Xác định độ bền áp suất	TCVN 6149:2009
	THỬ NGHIỆM GỖ TỰ NHIỆN/NHÂN TẠO	
142	Xác dịnh độ hút ẩm	TCVN 8046:2009
143	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý	TCVN 8048-1:2009
144	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8048-2:2009
145	Xác định giới hạn bền uỗn tĩnh	TCVN 8048-3:2009
146	Xác định giới hạn bền nén tĩnh	TCVN 8048-5:2009
147	Xác định ứng suất kéo song song thớ	TCVN 8048-6:2009
148	Xác định giới hạn bền khi kéo	TCVN 8048-7:2009
149	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh	TCVN 7756-2:2007
150	Xác định độ ẩm	TCVN 7756-3:2007
151	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7756-4:2007
152	Xác đinh độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước	TCVN 7756-5:2007
153	Xác định modul đàn hồi khi uốn, độ bền uốn tĩnh	TCVN 7756-6:2007
	THỬ NGHIỆM SƠN	
154	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2008
155	Xác định độ mịn	TCVN 2091:1993
156	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:1993
157	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:1993
158	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
159	Xác định độ bám dính của màng	TCVN 2097:1993
	THỬ NGHIỆM HÓA NƯỚC XÂY DỰNG	
160	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
161	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
162	Xác định hàm lượng Ion clorua (Cl-)	TCVN 6194:1996
163	Xác định hàm lượng Ion sunfat (SO_4^{-2})	TCVN 6200:1996
164	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.